

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**  
Số: A1 /PNC-2015

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 15 tháng 05 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Tổ chức niêm yết : **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**
- Mã chứng khoán : **PNC**
- Trụ sở chính : 940 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38663447 Fax: 08 38663449
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HỮU HOẠT** (Người được ủy quyền Công bố thông tin).
- Địa chỉ: Số 1H đường số 6, Cư xá Bình Thới, Quận 11, TpHCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): : 08 38663447 Fax: 08 38663449
- Loại thông tin công bố:  24 giờ;  72 giờ;  định kỳ  
 bất thường;  Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính quý I/2015 riêng và hợp nhất.**
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/05/2015 tại đường dẫn [www.pnc.com.vn](http://www.pnc.com.vn) của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:** Báo cáo tài chính quý I/2015 riêng và hợp nhất.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu tại VPCT

**CÔNG TY CP VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**NGUYỄN HỮU HOẠT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ 1/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (riêng)**

Quý 1 Năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
<b>A - Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>88,470,665,831</b>	<b>67,544,084,225</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>30,204,735,029</b>	<b>8,078,371,451</b>
1. Tiền	111	VI.1	2,204,735,029	2,078,371,451
2. Các khoản tương đương tiền	112		28,000,000,000	6,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55,378,471,143</b>	<b>53,871,127,174</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	2,769,526,229	12,981,623,877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4,384,315,908	3,102,656,300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15,910,000,000	4,930,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	33,083,001,006	33,625,218,997
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(768,372,000)	(768,372,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	46,603
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	VI.5	<b>208,322,217</b>	<b>3,525,065,298</b>
1. Hàng tồn kho	141		208,322,217	3,525,065,298
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,679,137,442</b>	<b>2,069,473,699</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	1,843,526,172	971,685,151
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26,297,543	26,296,543
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3,600	3,600
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.14a	809,310,127	1,071,488,405
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>184,429,260,151</b>	<b>183,075,853,027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8,332,000,000</b>	<b>8,332,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	8,332,000,000	8,332,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28,062,178,964</b>	<b>28,271,173,683</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	2,643,986,925	2,817,671,618
- Nguyên giá	222		11,935,130,588	12,050,086,315
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9,291,143,663)	(9,232,414,697)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	25,418,192,039	25,453,502,065
- Nguyên giá	228		27,811,459,395	27,864,935,759
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,393,267,356)	(2,411,433,694)



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		34,364,000	34,364,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(34,364,000)	(34,364,000)
			<b>4,332,306,696</b>	<b>4,462,583,102</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.6	4,332,306,696	4,462,583,102
			<b>133,273,064,405</b>	<b>133,276,099,205</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		123,617,738,569	123,617,738,569
1. Đầu tư vào công ty con	251		31,596,018,444	31,596,018,444
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(21,940,692,608)	(21,937,657,808)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
			<b>10,429,710,086</b>	<b>8,733,997,037</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		5,855,635,160	4,218,799,758
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	750,551,945	750,551,945
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		3,823,522,981	3,764,645,334
			<b>272,899,925,982</b>	<b>250,619,937,252</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>201,787,801,321</b>	<b>177,582,448,091</b>
<b>C – NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43,400,832,961</b>	<b>61,985,479,731</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		13,369,379,089	14,257,706,365
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	4,053,768,022	4,075,149,353
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		166,447,062	599,715,905
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17a	594,158,643	1,191,531,984
4. Phải trả người lao động	314		4,867,124,451	3,411,599,750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		875,000	875,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19a	20,349,080,694	38,448,901,374
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
			<b>158,386,968,360</b>	<b>115,596,968,360</b>
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.19b	389,968,360	389,968,360
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15b	157,997,000,000	115,207,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

30  
 CỘ  
 CỘ  
 VĂN  
 ĐỒ  
 P.1

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015	01/01/2015
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71,112,124,661</b>	<b>73,037,489,161</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>71,112,124,661</b>	<b>73,037,489,161</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	VI.25	110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,738,460,046	24,738,460,046
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,616,000,640)	(2,616,000,640)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,599,969,014	1,599,969,014
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(63,012,713,759)	(61,087,349,259)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(61,087,349,259)	(61,087,349,259)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1,925,364,500)	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>272,899,925,982</b>	<b>250,619,937,252</b>

Lập biểu

  
LÊ THỊ KIM SA

Kế toán trưởng

  
Ông Chu Nga

Ngày 14 tháng 05 năm 2015



Nguyễn Hữu Hoat

861  
GT  
HÃI  
HÓI  
J N

5 CT



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG NAM

Mẫu số B 02 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (riêng)

Quý I năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Quý I năm 2015	Quý I Năm 2014
<b>Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>7.1</b>	<b>6,244,093,807</b>	<b>65,302,907,973</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	415,400,768
<b>Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>6,244,093,807</b>	<b>64,887,507,205</b>
Giá vốn hàng bán	11	7.2	4,865,253,865	42,203,762,391
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1,378,839,942</b>	<b>22,683,744,814</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	735,411,676	649,745,981
Chi phí tài chính	22	7.4	1,621,911,531	3,086,948,888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,608,938,476	2,986,282,109
Chi phí bán hàng	25	7.5	28,113,352	22,341,077,081
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	2,469,528,668	5,281,312,218
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2,005,301,933)</b>	<b>(7,375,847,392)</b>
Thu nhập khác	31	7.7	408,444,610	197,867,311
Chi phí khác	32	7.8	328,507,177	1,483,529,883
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>79,937,433</b>	<b>(1,285,662,572)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1,925,364,500)</b>	<b>(8,661,509,964)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(1,925,364,500)</b>	<b>(8,661,509,964)</b>

Ngày 14 tháng 05 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

*[Signature]*

*[Signature]*



Lê Thị Kim Sa

*Ông Thu Nga*

*Nguyễn Hữu Hoạt*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

Mẫu số B 03 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)*  
**Quý 1 Năm 2015**

Chi tiêu	Mã số	QUÝ 1/2015	QUÝ 1/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	816,422,800	65,772,132,293
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(6,931,722,203)	(60,148,375,600)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2,570,237,193)	(10,674,844,112)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	-	(2,952,869,017)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	14,654,360,353	13,954,260,942
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(15,916,342,337)	(8,332,800,745)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9,947,518,580)</b>	<b>(2,382,496,239)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(792,625)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11,460,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	480,000,000	1,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	274,613,038	5,409,324
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10,706,179,587)</b>	<b>1,505,409,324</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	42,790,000,000	64,176,908,416
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(60,024,940,926)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>42,790,000,000</b>	<b>4,151,967,490</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>22,136,301,833</b>	<b>3,274,880,575</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8,078,371,451</b>	<b>5,655,275,757</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(9,938,255)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>30,204,735,029</b>	<b>8,930,156,332</b>

Ngày 14 tháng 05 năm 2015

Lập biểu

*[Signature]*  
Lập biểu

Kế toán trưởng

*[Signature]*  
**Ông Thu Nga**

Tổng Giám Đốc



**Nguyễn Hữu Hoạt**



# CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 03 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

- Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/03/2015 gồm:
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Huế ( Nhà sách Phú Xuân)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Huế ( TT Làng Nghề Huế)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hội An.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Nha Trang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Cần Thơ.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Lạt.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam Quảng Ninh.

### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực văn hóa.

### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh.
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);

030  
C  
C  
V  
H  
7-7



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Kinh doanh rạp chiếu phim;
  - Dịch vụ quảng cáo thương mại. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.
- 2: Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
- 2.1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.
- 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.
- 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
- 3.1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- 3.2. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.
- 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính quý 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.
- 4. Các chính sách kế toán áp dụng**
- 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**  
Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.
- 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**  
Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**
- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho  
Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.  
Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.  
Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.
  - Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính  
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
  - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho  
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
  - Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng/phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh/phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm] trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 15 năm
+ Máy móc và thiết bị	4 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 6 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
+ Phần mềm máy vi tính	4 – 8 năm

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo [phương pháp đường thẳng].

### 4.8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

### 4.9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

- Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 4.11. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ Công ty và Đại hội cổ đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.14. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.15. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.17. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc công các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa nếm yết.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	5,068,695	636,406,961
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,199,666,334	1,441,964,490
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2,204,735,029</b>	<b>2,078,371,451</b>
	-	-
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2,769,526,229	12,981,623,877
<b>Cộng</b>	<b>2,769,526,229</b>	<b>12,981,623,877</b>
	-	-
<b>3. Phải thu khác</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác.	33,083,001,006	33,625,218,997
<b>Cộng</b>	<b>33,083,001,006</b>	<b>33,625,218,997</b>
b) Dài hạn		
- Phải thu khác.	8,332,000,000	8,332,000,000
<b>Cộng</b>	<b>8,332,000,000</b>	<b>8,332,000,000</b>
	-	-
<b>5. Hàng tồn kho:</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Hàng đang đi trên đường;	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu;	-	-
- Công cụ, dụng cụ;	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	208,322,217	3,502,314,510
- Thành phẩm;	-	-
- Hàng hóa;	-	22,750,788
- Hàng gửi bán;	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế.	-	-
<b>Cộng</b>	<b>208,322,217</b>	<b>3,525,065,298</b>
	-	-
<b>6. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
- Mua sắm;	-	27,329,159
- XD CB;	4,332,306,696	4,426,120,419
- Sửa chữa.	-	9,133,524
<b>Cộng</b>	<b>4,332,306,696</b>	<b>4,462,583,102</b>

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	7,703,856,198		1,243,546,469	3,102,683,648	12,050,086,315
- Mua trong kỳ					-
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
- Tặng khác				42,352,273	42,352,273
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác				157,308,000	157,308,000
Số dư cuối kỳ	7,703,856,198	0	1,243,546,469	2,987,727,921	11,935,130,588
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	6,101,964,866		1,243,546,469	1,886,903,362	9,232,414,697
- Khấu hao trong kỳ	103,872,757			26,732,542	130,605,299
- Tặng khác					-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác				-71,876,333	(71,876,333)
Số dư cuối kỳ	6,205,837,623	0	1,243,546,469	1,841,759,571	9,291,143,663
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu kỳ	1,601,891,332	-	-	1,215,780,286	2,817,671,618
- Tại ngày cuối kỳ	1,498,018,575	0	0	1,145,968,350	2,643,986,925

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	25,232,525,000		2,632,410,759	27,864,935,759
- Mua trong năm				-
- Tạo ra từ nội bộ DN				-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh				-
- Tặng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác			-53,476,364	(53,476,364)
Số dư cuối năm	25,232,525,000	-	2,578,934,395	27,811,459,395
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm			2,411,433,694	2,411,433,694
- Khấu hao trong năm			23,723,484	23,723,484
- Tặng khác				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác			-41,889,822	(41,889,822)
Số dư cuối năm			2,393,267,356	2,393,267,356
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày đầu năm	25,232,525,000	-	220,977,065	25,453,502,065
- Tại ngày cuối năm	25,232,525,000	-	185,667,039	25,418,192,039



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

Khoản mục	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>a) Bất động sản đầu tư</b>	<b>34,364,000</b>			<b>34,364,000</b>
<b>Nguyên giá</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng	<b>34,364,000</b>			<b>34,364,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng	<b>34,364,000</b>			<b>34,364,000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

**13. Chi phí trả trước**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	1,287,879	2,621,213
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	1,842,238,293	969,063,938
<b>Cộng</b>	<b>1,843,526,172</b>	<b>971,685,151</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	341,387,352	484,715,822
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	5,514,247,808	3,734,083,936
<b>Cộng</b>	<b>5,855,635,160</b>	<b>4,218,799,758</b>

**14. Tài sản khác**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)</b>		
- Tạm ứng	779,310,127	861,488,405
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30,000,000	210,000,000
<b>Cộng</b>	<b>809,310,127</b>	<b>1,071,488,405</b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>b) Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)</b>		
Cross Junction Investment Pte., Ltd	149,665,000,000	106,875,000,000
Khác	8,332,000,000	8,332,000,000
<b>Cộng</b>	<b>157,997,000,000</b>	<b>115,207,000,000</b>

**16. Phải trả người bán**

	31/03/2015	01/01/2015
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
- Phải trả cho các đối tượng khác	13,369,379,089	14,257,706,365
<b>Cộng</b>	<b>13,369,379,089</b>	<b>14,257,706,365</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	31/03/2015	01/01/2015
<b>17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>		
Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)		
- Thuế giá trị gia tăng	81,437,591	550,101,209
- Thuế thu nhập cá nhân	85,005,871	0
<b>Cộng</b>	<b>166,443,462</b>	<b>550,101,209</b>
<b>Cộng</b>		
<b>18. Chi phí phải trả</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Ngắn hạn		
- Lãi vay		
- Các khoản trích trước khác;	4,867,124,451	3,411,599,750
<b>Cộng</b>	<b>4,867,124,451</b>	<b>3,411,599,750</b>
<b>19. Phải trả khác</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	231,207	231,207
- Kinh phí công đoàn;	49,438,670	48,986,680
- Bảo hiểm xã hội;	114,807,390	95,913,067
- Bảo hiểm y tế;		
- Bảo hiểm thất nghiệp;	22,357,460	10,736,720
- Phải trả về cổ phần hoá;		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	20,162,245,967	31,083,033,700
<b>Cộng</b>	<b>20,349,080,694</b>	<b>31,238,901,374</b>
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	389,968,360	389,968,360
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>389,968,360</b>	<b>389,968,360</b>
<b>20. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/03/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
Ngắn hạn		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.	875,000	875,000
<b>Cộng</b>	<b>875,000</b>	<b>875,000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**25. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,599,969,014	(61,413,945,281)	72,710,893,139
-Tăng vốn trong kỳ trước						
-Lãi kỳ trước					326,596,022	326,596,022
-Tăng khác						
-Giảm vốn kỳ trước						
-Lỗ kỳ trước						
-Giảm khác						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,599,969,014	(61,087,349,259)	73,037,489,161
-Tăng vốn trong kỳ này						
-Lãi kỳ này					0	
-Tăng khác						
-Giảm vốn kỳ này						
-Lỗ kỳ này					(1,925,364,500)	(1,925,364,500)
-Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm nay</b>	110,402,410,000	24,738,460,046	(2,616,000,640)	1,599,969,014	(63,012,713,759)	71,112,124,661



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
+ Vốn góp đầu năm	110,402,410,000	110,402,410,000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	110,402,410,000	110,402,410,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,040,241	11,040,241
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(24,089)	(24,089)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,799,351	10,799,351

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000/cổ phiếu

<b>29. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
c) Ngoại tệ các loại: USD.	264.49	200,01

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>QUÝ 1/2015</u>	<u>QUÝ 1/2014</u>
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng;		62649140047
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	6,244,093,807	2,238,367,158
<b>Cộng</b>	<u>6,244,093,807</u>	<u>64,887,507,205</u>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<u>QUÝ 1/2015</u>	<u>QUÝ 1/2014</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;	4,865,253,865	42,203,762,391
Trong đó:		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	4,865,253,865	1,923,376,790
<b>Cộng</b>	<u>4,865,253,865</u>	<u>42,203,762,391</u>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<u>QUÝ 1/2015</u>	<u>QUÝ 1/2014</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	639,441,676	256,255,158
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	95,970,000	
- Lãi chênh lệch tỷ giá;		56,585,664
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;		336,905,159
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.		
<b>Cộng</b>	<u>735,411,676</u>	<u>649,745,981</u>
<b>5. Chi phí tài chính</b>	<u>QUÝ 1/2015</u>	<u>QUÝ 1/2014</u>
- Lãi tiền vay;	1,608,938,476	2,986,242,150
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;		100706738
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	9,938,255	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;	3,034,800	
<b>Cộng</b>	<u>1,621,911,531</u>	<u>3,086,948,888</u>
<b>7. Chi phí khác</b>	<u>QUÝ 1/2015</u>	<u>QUÝ 1/2014</u>
- Các khoản khác.	328,507,177	1,483,529,883
<b>Cộng</b>	<u>328,507,177</u>	<u>1,483,529,883</u>

13018  
CÔNG  
CỐ PHẢ  
N HÓA  
NG NA  
TỔ CHỨC



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG Quý 1 NĂM 2015

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>QUÝ 1/2015</b>	<b>QUÝ 1/2014</b>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên		8,847,793,194
Chi phí vật liệu, bao bì		229,579,966
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	151,975,4	392,805,153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,904,328	2,040,148,764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,204,911	9,222,228,428
Chi phí khác	3,484,359	1,608,521,576
<b>Cộng</b>	<b>28,113,352</b>	<b>22,341,077,081</b>
<b>Chi phí quản lý</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1,205,204,676	2,763,295,304
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng	43,445,059	96,931,216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84,080,581	175,997,427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336,990,571	848,932,574
Chi phí khác	799,807,781	1,396,155,697
	<b>2,469,528,668</b>	<b>5,281,312,218</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;		42,923,078,726
- Chi phí nhân công;	1,205,204,676	11,611,088,498
- Chi phí khấu hao tài sản cố định;	96,984,909	2,216,146,191
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	322,195,482	10,071,161,002
- Chi phí khác bằng tiền.	803,292,140	3,004,677,273
<b>Cộng</b>	<b>2,427,677,207</b>	<b>69,826,151,690</b>

7.Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Phim Phương Nam	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con
5. Công ty TNHH Bán Lẻ Phương Nam	Công ty con
6. Công ty CP Nhân Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
7. Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
8. Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết
9. Công ty CP Mega Phương Nam	Công ty liên kết

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2015

LẬP BIỂU

LÊ THỊ KIM SƠN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Thu Ngụ



Nguyễn Hữu Hoạt

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính